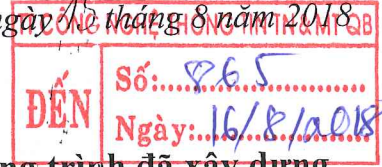


Số: 32/TB-STNMT

Quảng Bình, ngày 16 tháng 8 năm 2018



THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình đã xây dựng trên đất và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bán nhà ở của chủ đầu tư Dự án Khu nhà ở thương mại Trường Thịnh, thành phố Đồng Hới. (Giai đoạn 1)

Sau khi nhận được hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại Trường Thịnh, thành phố Đồng Hới của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh. Vừa qua, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các sở, ngành và chính quyền địa phương có đất tổ chức kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhà ở và công trình xây dựng trên đất và điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chủ đầu tư dự án theo quy định tại Điều 194 Luật đất đai, Điều 41 và Điều 72 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Căn cứ hồ sơ, kết quả kiểm tra thực địa, Công văn số 54/UBND-TNMT ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh về việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất tại các dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị và Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (giai đoạn 1) ngày 07/8/2018 của Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra cụ thể như sau:

I. Thông tin về dự án:

1. Tên Dự án: Dự án Khu nhà ở thương mại Trường Thịnh.
2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh.
3. Địa điểm xây dựng: phường Nam Lý và phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

4. Nội dung và quy mô của dự án:

Dự án Khu nhà ở thương mại Trường Thịnh (các Khu: A, B, C, D và E) tại phường Nam Lý và phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư dự án tại Quyết định số 4625/QĐ-UBND ngày 20/12/2017. UBND tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang giao đất có thu tiền sử dụng đất tại phường Nam Lý và phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới tại các Quyết định số: 4781/QĐ-UBND, 4785/QĐ-UBND, 4856/QĐ-UBND và 4782/QĐ-UBND ngày 29/12/2017; Quyết định số 4434/QĐ-UBND ngày 06/12/2017:

Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án: 42.800,2 m². Trong đó:

- Diện tích đất ở: 26.410,4 m².

- Diện tích đất giao thông: 14.127,8 m².
- Diện tích đất thủy lợi: 1.000,6 m².
- Diện tích đất xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng: 917,0 m².
- Diện tích đất cây xanh: 344,4 m².

II. Kết quả kiểm tra thực hiện dự án:

1. Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Khu nhà ở thương mại Trường Thịnh A, phường Bắc Lý: Đã thi công hoàn thành các hạng mục hạ tầng kỹ thuật thiết yếu giai đoạn 1 (khu vực không vướng giải phóng mặt bằng), bao gồm: San nền, hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mặt, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp điện sinh hoạt, hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh.

Khối lượng công việc chưa hoàn thành do vướng giải phóng mặt bằng, bao gồm: san nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước mặt, thoát nước thải, cấp điện, cây xanh thuộc khu vực lô A1, A2 và các lô A3.1, A3.2, A3.8 và A3.9.

- Các khu nhà ở thương mại Trường Thịnh B, C, phường Nam Lý và khu D, E phường Bắc Lý: Đã thi công hoàn thành các hạng mục hạ tầng kỹ thuật thiết yếu của dự án, bao gồm: san nền, hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mặt, hệ thống thoát nước thải, hệ thống cấp điện sinh hoạt, hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh theo quy hoạch chi tiết đã được duyệt.

2. Đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê:

Trên đất chưa có nhà ở.

3. Về điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

- Dự án Khu nhà ở thương mại Trường Thịnh phù hợp kế hoạch sử dụng đất hàng năm của thành phố Đồng Hới.

- Đã thi công hoàn thành các hạng mục hạ tầng kỹ thuật thiết yếu của dự án; đảm bảo kết nối với hạ tầng chung của khu vực đối với các khu B, C, D và E; Khu A mới hoàn thành xây dựng hạ tầng giai đoạn 1.

- Về nghĩa vụ tài chính: Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh đã nộp đủ số tiền vào ngân sách nhà nước, với số tiền 17.260.000.000 đồng (Mười bảy tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng) theo Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt số tiền sử dụng đất tối thiểu Nhà đầu tư phải nộp Ngân sách Nhà nước khi thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại Trường Thịnh và Hợp đồng số 1377/2017/HĐ-ĐAĐT ngày 02/6/2017 giữa Sở Xây dựng với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh.

- Các lô đất thuộc Dự án Khu nhà ở thương mại Trường Thịnh tại phường Nam Lý và phường Bắc Lý được chuyển quyền sử dụng đất đã đầu tư hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở theo Quyết định số 1092/QĐ-UBND ngày 05/4/2018

của UBND tỉnh (Trừ các lô đất có ký hiệu A1.1-A1.6 và lô đất ký hiệu A1.13 (07 lô), tổng diện tích 920,1 m² thuộc Khu nhà ở thương mại Trường Thịnh E, phường Bắc Lý không cho phép chuyển nhượng đất đã đầu tư hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở mà chủ đầu tư phải xây dựng nhà ở để bán, cho thuê).

III. Kết luận:

1. Các lô đất ở đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở thuộc Dự án Khu nhà ở thương mại Trường Thịnh, thành phố Đồng Hới (giai đoạn 1) là 192/215 lô (còn 23 lô chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận và chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trong đó: có 16 lô thuộc Khu A chưa hoàn thành hạ tầng kỹ thuật do chưa giải phóng mặt bằng và 07 lô thuộc Khu E chủ đầu tư phải xây dựng nhà ở để bán, cho thuê), tổng diện tích 23.411,8 m² cụ thể:

- Khu B, phường Nam Lý: 34/34 lô, diện tích 3.718,9 m².
- Khu C, phường Nam Lý: 25/25 lô, diện tích 3.265,9 m².
- Khu A, phường Bắc Lý: 116/132 lô, diện tích 14.372,0 m².
- Khu D, phường Bắc Lý: 07/07 lô, diện tích 865,7 m².
- Khu E, phường Bắc Lý: 10/17 lô, diện tích 1.189,3 m².

(Có Bảng thống kê các thửa đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc Dự án Khu nhà ở thương mại Trường Thịnh (Giai đoạn 1) kèm theo)

2. Đề nghị Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho chủ đầu tư trước khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường đăng Thông báo này trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thịnh và Văn phòng Đăng ký đất đai biết, thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
- Công ty CP Tập đoàn Trường Thịnh;
- Văn phòng ĐKĐĐ;
- Trung tâm THCB-VP UBND tỉnh (để đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh);
- Trung tâm CNTT TNMT;
- Lưu: VT, CCQLĐĐ(2).

[Handwritten signature]

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Trần Phong

BẢNG THỐNG KÊ CÁC THỬA ĐẤT ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUỘC DỰ ÁN KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THỊNH (GIAI ĐOẠN 1)

(Kèm theo Thông báo số 32 /TB-STNMT ngày 15/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình)

STT	Ký hiệu lô đất theo quy hoạch	Thửa đất số	Tờ bản đồ ĐC số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Ghi chú
I	KHU B, PHƯỜNG NAM LÝ			3.718,9		
1	A1.1	8	17	82,8	ODT	
2	A1.2	9	17	87,3	ODT	
3	A1.3	10	17	87,3	ODT	
4	A1.4	11	17	87,3	ODT	
5	A1.5	12	17	87,3	ODT	
6	A1.6	13	17	82,8	ODT	
7	A1.7	14	17	82,8	ODT	
8	A1.8	15	17	87,3	ODT	
9	A1.9	16	17	87,3	ODT	
10	A1.10	17	17	87,3	ODT	
11	A1.11	18	17	87,3	ODT	
12	A1.12	19	17	82,8	ODT	
13	A2.1	20	17	93,4	ODT	
14	A2.2	21	17	87,3	ODT	
15	A2.3	88	18	87,3	ODT	
16	A2.4	89	18	87,3	ODT	
17	A2.5	90	18	87,3	ODT	
18	A2.6	91	18	100,0	ODT	
19	A2.7	22	17	93,4	ODT	
20	A2.8	92	18	87,3	ODT	
21	A2.9	93	18	87,3	ODT	
22	A2.10	94	18	87,3	ODT	
23	A2.11	95	18	87,3	ODT	
24	A2.12	96	18	85,5	ODT	
25	A3.1	98	18	121,5	ODT	
26	A3.2	99	18	126,0	ODT	
27	A3.3	100	18	126,0	ODT	
28	A3.4	101	18	126,0	ODT	
29	A3.5	102	18	129,5	ODT	
30	A3.6	104	18	99,5	ODT	
31	A3.7	106	18	95,0	ODT	
32	A3.8	105	18	105,5	ODT	
33	A3.9	107	18	103,0	ODT	
34	C	23	17	586,6	ODT	



STT	Ký hiệu lô đất theo quy hoạch	Thửa đất số	Tờ bản đồ ĐC số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Ghi chú
II	KHU C, PHƯỜNG NAM LÝ			3.265,9		
35	A1.1	297	33	153,5	ODT	
36	A1.2	296	33	120,0	ODT	
37	A1.3	295	33	120,0	ODT	
38	A1.4	294	33	111,4	ODT	
39	A1.5	293	33	92,0	ODT	
40	A2.1	291	33	159,5	ODT	
41	A2.2	288	33	128,0	ODT	
42	A2.3	287	33	128,0	ODT	
43	A2.4	284	33	128,0	ODT	
44	A2.5	283	33	128,0	ODT	
45	A2.6	280	33	128,0	ODT	
46	A2.7	279	33	128,0	ODT	
47	A2.8	276	33	128,0	ODT	
48	A2.9	275	33	128,0	ODT	
49	A2.10	272	33	159,5	ODT	
50	A2.11	290	33	151,0	ODT	
51	A2.12	289	33	128,0	ODT	
52	A2.13	286	33	128,0	ODT	
53	A2.14	285	33	128,0	ODT	
54	A2.15	282	33	128,0	ODT	
55	A2.16	281	33	128,0	ODT	
56	A2.17	278	33	128,0	ODT	
57	A2.18	277	33	128,0	ODT	
58	A2.19	274	33	128,0	ODT	
59	A2.20	273	33	151,0	ODT	
III	KHU A, PHƯỜNG BẮC LÝ			14.372,0		
60	A3.3	65	84	132,5	ODT	
61	A3.4	66	84	132,5	ODT	
62	A3.5	67	84	132,5	ODT	
63	A3.6	68	84	132,5	ODT	
64	A3.7	69	84	132,5	ODT	
65	A3.10	91	98	134,5	ODT	
66	A3.11	92	98	134,0	ODT	
67	A3.12	77	84	133,5	ODT	
68	A3.13	76	84	133,5	ODT	
69	A3.14	75	84	133,0	ODT	
70	A3.15	70	84	134,0	ODT	
71	A3.16	71	84	123,5	ODT	
72	A3.17	72	84	123,5	ODT	
73	A3.18	73	84	123,5	ODT	

STT	Ký hiệu lô đất theo quy hoạch	Thửa đất số	Tờ bản đồ ĐC số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Ghi chú
74	A3.19	74	84	135,0	ODT	
75	A4.1	101	98	135,0	ODT	
76	A4.2	100	98	126,0	ODT	
77	A4.3	99	98	126,0	ODT	
78	A4.4	98	98	126,0	ODT	
79	A4.5	97	98	126,0	ODT	
80	A4.6	96	98	126,0	ODT	
81	A4.7	95	98	126,0	ODT	
82	A4.8	94	98	126,0	ODT	
83	A4.9	103	98	135,0	ODT	
84	A4.10	104	98	126,0	ODT	
85	A4.11	105	98	126,0	ODT	
86	A4.12	106	98	126,0	ODT	
87	A4.13	107	98	126,0	ODT	
88	A4.14	108	98	126,0	ODT	
89	A4.15	109	98	126,0	ODT	
90	A4.16	110	98	126,0	ODT	
91	A4.17	121	99	119,0	ODT	
92	A4.18	122	99	114,0	ODT	
93	A4.19	123	99	114,0	ODT	
94	A4.20	124	99	114,0	ODT	
95	A4.21	125	99	114,0	ODT	
96	A4.22	126	99	119,0	ODT	
97	A5.1	116	98	135,0	ODT	
98	A5.2	115	98	126,0	ODT	
99	A5.3	114	98	126,0	ODT	
100	A5.4	113	98	126,0	ODT	
101	A5.5	112	98	126,0	ODT	
102	A5.6	111	98	126,0	ODT	
103	A5.7	161	99	126,0	ODT	
104	A5.8	162	99	126,0	ODT	
105	A5.9	122	98	135,0	ODT	
106	A5.10	123	98	126,0	ODT	
107	A5.11	124	98	126,0	ODT	
108	A5.12	125	98	126,0	ODT	
109	A5.13	126	98	126,0	ODT	
110	A5.14	172	99	126,0	ODT	
111	A5.15	171	99	126,0	ODT	
112	A5.16	170	99	126,0	ODT	
113	A5.17	163	99	119,0	ODT	
114	A5.18	164	99	114,0	ODT	

CHỦ NGHĨA
SỞ
NGUYỄN
I TRƯỜNG
QUANG BÌNH

STT	Ký hiệu lô đất theo quy hoạch	Thửa đất số	Tờ bản đồ ĐC số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Ghi chú
115	A5.19	165	99	114,0	ODT	
116	A5.20	166	99	114,0	ODT	
117	A5.21	167	99	114,0	ODT	
118	A5.22	168	99	119,0	ODT	
119	A6.1	131	85	120,0	ODT	
120	A6.2	130	85	131,0	ODT	
121	A6.3	129	85	131,0	ODT	
122	A6.4	128	85	131,0	ODT	
123	A6.5	127	85	131,0	ODT	
124	A6.6	126	85	131,0	ODT	
125	A6.7	132	85	115,0	ODT	
126	A6.8	133	85	129,0	ODT	
127	A6.9	134	85	129,5	ODT	
128	A6.10	135	85	130,0	ODT	
129	A6.11	136	85	130,5	ODT	
130	A6.12	137	85	131,0	ODT	
131	A6.13	125	85	129,5	ODT	
132	A6.14	139	85	123,5	ODT	
133	A6.15	140	85	123,5	ODT	
134	A6.16	141	85	123,5	ODT	
135	A6.17	142	85	135,0	ODT	
136	A7.1	150	85	113,5	ODT	
137	A7.2	151	85	108,5	ODT	
138	A7.3	152	85	108,5	ODT	
139	A7.4	153	85	108,0	ODT	
140	A7.5	238	99	108,0	ODT	
141	A7.6	239	99	114,0	ODT	
142	A7.7	148	85	126,0	ODT	
143	A7.8	147	85	126,0	ODT	
144	A7.9	146	85	126,0	ODT	
145	A7.10	145	85	126,0	ODT	
146	A7.11	133	99	126,0	ODT	
147	A7.12	134	99	126,0	ODT	
148	A7.13	135	99	126,0	ODT	
149	A7.14	136	99	126,0	ODT	
150	A7.15	143	85	119,0	ODT	
151	A7.16	127	99	114,0	ODT	
152	A7.17	128	99	114,0	ODT	
153	A7.18	129	99	114,0	ODT	
154	A7.19	130	99	114,0	ODT	
155	A7.22	131	99	119,0	ODT	

STT	Ký hiệu lô đất theo quy hoạch	Thửa đất số	Tờ bản đồ ĐC số	Diện tích (m ²)	Loại đất	Ghi chú
156	A8.1	141	99	117,5	ODT	
157	A8.2	156	99	114,0	ODT	
158	A8.3	157	99	115,5	ODT	
159	A8.4	158	99	116,5	ODT	
160	A8.5	159	99	118,0	ODT	
161	A8.6	160	99	124,5	ODT	
162	A8.7	143	99	126,0	ODT	
163	A8.8	144	99	126,0	ODT	
164	A8.9	145	99	126,0	ODT	
165	A8.10	146	99	126,0	ODT	
166	A8.11	152	99	126,0	ODT	
167	A8.12	153	99	126,0	ODT	
168	A8.13	154	99	126,0	ODT	
169	A8.14	155	99	126,0	ODT	
170	A8.15	147	99	119,0	ODT	
171	A8.16	148	99	114,0	ODT	
172	A8.17	149	99	114,0	ODT	
173	A8.18	150	99	114,0	ODT	
174	A8.19	151	99	114,0	ODT	
175	A8.22	175	99	119,0	ODT	
IV	KHU D, PHƯỜNG BẮC LÝ			865,7		
176	A.1	188	128	140,7	ODT	
177	A.2	189	128	131,0	ODT	
178	A.3	190	128	146,0	ODT	
179	A.4	194	128	123,0	ODT	
180	A.5	193	128	110,0	ODT	
181	A.6	192	128	110,0	ODT	
182	A.7	191	128	105,0	ODT	
V	KHU E, PHƯỜNG BẮC LÝ			1.189,3		
183	A1.7	191	90	130,6	ODT	
184	A1.8	190	90	133,5	ODT	
185	A1.9	189	90	131,8	ODT	
186	A1.10	188	90	130,2	ODT	
187	A1.11	187	90	128,6	ODT	
188	A1.12	186	90	126,9	ODT	
189	A2.1	194	90	97,3	ODT	
190	A2.2	195	90	103,2	ODT	
191	A2.3	196	90	103,2	ODT	
192	A2.4	197	90	104,0	ODT	
	Tổng cộng			23.411,8		



[Handwritten signature]